TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12/6/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Hội.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Tâm;

Ông Lê Chánh Ngôn;

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hoa – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 476/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Minh V, sinh năm 1982.
Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (có mặt tại phiên tòa)
Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1980.
Nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Trần Thị Minh V trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu H1, chung sống và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02/02/2005 tại UBND xã W, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống giữa bà và ông H1 không có mâu thuẫn gì, chủ yếu là do ông H1 ham mê cờ bạc dẫn đến nợ nần, bà đã nhiều lần phải tự bươn chải, trả nợ cho ông H1. Bà và gia đình có góp ý, khuyên can nhưng ông H1 không nghe. Lâu dần, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Từ khoảng năm 2021 đến nay bà và ông H1 đã không còn sống chung với nhau, mạnh ai

nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để chung sống hạnh phúc được nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Hữu H1.

Về con chung: Bà và và ông H1 có 01 con chung tên là Nguyễn Gia K, sinh ngày 08/9/2006. Từ khi bà và ông H1 không sống chung đến nay, cháu K sống cùng với bà. Bà đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên Nguyễn Gia K, bà không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Nguyễn Hữu H1 không có khoản nợ chung nào.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Hữu H1 vắng mặt, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án tiến hành xác minh để xác định tình trạng hôn nhân và các vấn đề liên quan; theo lời khai của bà Trần Thị Cao Hạnh (là mẹ ruột của ông Nguyễn Hữu H1, sinh sống nhà ở sát bên nhà ông H1 và bà V) trình bày:

Ông H1 và bà V chung sống và có đăng ký kết hôn (bà không nhớ cụ thể là kết hôn năm nào). Quá trình chung sống giữa ông H1 và bà V có mâu thuẫn gì thì bà không biết. Bà chỉ biết khoảng năm 2021 ông H1 có bể nợ và bỏ nhà đi. Từ đó đến nay ông H1 và bà V không còn sống chung. Ông H1 và bà V có 01 con chung tên là Nguyễn Gia K, sinh ngày 08/9/2006. Sau khi ông H1 bỏ đi, bà và chồng của bà có phụ bà V nuôi dưỡng con chung của ông H1 và bà V. Về vấn đề của bà V và ông H1 bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do già yếu nên bà đề nghị cho bà xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Minh V, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Minh V ly hôn với ông Nguyễn Hữu H1; về con chung: đề nghị giao con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Đơn khởi kiện ghi ngày 22/11/2023 của bà Trần Thị Minh V được gửi trực tiếp đến Tòa án, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Trần Thị Minh V khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với ông Nguyễn Hữu H1. Người bị kiện là ông Nguyễn Hữu H1 có địa chỉ cư trú tại, xã Y, huyện H. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện H đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu ly hôn: Bà Trần Thị Minh V và ông Nguyễn Hữu H1 tự nguyện sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo trình bày của bà Trần Thị Minh V và kết quả xác minh thể hiện từ năm 2021 đến nay bà Trần Thị Minh V và ông Nguyễn Hữu H1 đã không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, có thể xác định trạng hôn nhân giữa bà Trần Thị Minh V và ông Nguyễn Hữu H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Minh V.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị Minh V xác định có 01 con chung là Nguyễn Gia K, sinh ngày 08/9/2006. Từ khi ông H1 và bà V không sống chung đến nay, bà V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Bà V có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Minh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Trần Thị Minh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình; Luật thi hành án dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Minh V; bà Trần Thị Minh V được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H1.

2. Về nuôi con:

2.1. Bà Trần Thị Minh V được quyền trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên tên là Nguyễn Gia K, sinh ngày 08/9/2006. Trong trường hợp cháu Nguyễn Gia K do ông Nguyễn Hữu H1 hoặc người khác đang trông nom, nuôi dưỡng, quản lý cháu Nguyễn Gia K thì bà Trần Thị Minh V có quyền yêu cầu những người này phải giao con hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết để thực hiện quyền trực tiếp nuôi con.

2.2. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên khác trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị Minh V phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014283 ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H; như vậy, bà Trần Thị Minh V đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(*Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng sau khi ly hôn có thể được thực hiện theo quy định của pháp luật*).

Nơi nhận:
- VKSND huyện H;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện H;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Quốc Hội